

NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG NGUỒN NHÂN LỰC Y TẾ TẠI CÁC BỆNH VIỆN TUYẾN TỈNH CỦA TỈNH AN GIANG NĂM 2020

Phan Văn Bé^{1}, Phạm Thị Tâm²*

1. Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang

2. Khoa Y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

**Email: phanvanbeag@gmail.com*

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất trong hoạt động và phát triển cho bệnh viện nói riêng và ngành y tế nói chung. Vì vậy phát triển nguồn nhân lực cho ngành y tế là vấn đề cấp thiết, đòi hỏi sự quan tâm hỗ trợ của các cấp và các ngành trong tỉnh. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định số lượng, chất lượng, cơ cấu nhân lực y tế tại các bệnh viện tuyến tỉnh của tỉnh An Giang năm 2020. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Cán bộ nhân viên công tác tại các bệnh viện tuyến tỉnh của tỉnh An Giang trong năm 2020. Nghiên cứu mô tả cắt ngang. **Kết quả:** Các bệnh viện tuyến tỉnh của tỉnh An Giang có số lượng nhân lực y tế 3266 người, đạt trung bình trên một giường bệnh là 1,14. Trình độ chuyên môn sau đại học là 39,8 %, trong đó Chuyên khoa I 27,5%, Chuyên

khoa II 7,8%, Thạc sĩ 4,1% và Tiến sĩ 0,3%. Cơ cấu cán bộ làm điều trị có trình độ sau đại học tại các bệnh viện là 41,9%; tỷ số Điều dưỡng, Nữ hộ sinh, kỹ thuật viên trên bác sĩ đạt 2,16. **Kết luận:** Nhân lực phục vụ chăm sóc người bệnh đáp ứng được theo quy định, nhưng về trình độ cần phải được đào tạo thêm để đảm bảo chất lượng chăm sóc người bệnh.

Từ khóa: Nhân lực y tế, bệnh viện, quản lý.

ABSTRACT

STUDY ON HUMAN RESOURCE IN HEALTH IN PROVINCIAL HOSPITALS IN AN GIANG PROVINCE IN 2020

Phan Van Be^{1}, Pham Thi Tam²*

1. An Giang Central General Hospital

2. Public Health Faculty, Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: Human resources are the most important resource in the operation and development of hospitals in particular and the health sector in general. Therefore, human resource development for the health sector is an urgent issue, requiring the attention and support of all levels and sectors in the province. **Objectives:** Determine the quantity, quality and structure of health workers in provincial hospitals of An Giang province in 2020. **Materials and methods:** Medical staff working at provincial hospitals of An Giang province in 2020. A cross-sectional descriptive study. **Result:** Provincial hospitals of An Giang province have a medical workforce of 3266, reaching an average of 1.14 per hospital bed. Post-graduate qualification is 39.8%, of which specialist level I 27.5%, specialization level II 7.8%, master 4.1% and doctorate 0.3%. The structure of medical staff with postgraduate qualifications at hospitals is 41.9%; The ratio of nurses, midwives, technicians to doctors reached 2.16. **Conclusion:** Human resources for patient care meet the requirements, but in terms of qualifications, more training is required to ensure the quality of patient care.

Keywords: Human resources for health, Hospital, Human resources management.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhân lực ngành y tế bao gồm bác sĩ, điều dưỡng, nữ hộ sinh, dược sĩ,... là thành phần vô cùng quan trọng trong việc cung cấp các dịch vụ y tế có chất lượng, hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân và đạt được các mục tiêu phát triển bền vững liên quan đến sức khỏe [5, [6],], [9].

Trong các nguồn lực cho hoạt động bệnh viện, có thể nói rằng nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất, là chủ thể của mỗi hoạt động trong bệnh viện [8]. Trong những năm gần đây, vấn đề nguồn nhân lực trong hệ thống khám chữa bệnh đang là vấn đề nổi cộm, không chỉ được sự quan tâm của lãnh đạo Ngành Y tế mà còn được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội. Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành TW Khóa XII về Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới đã nhấn mạnh tới việc “chú trọng đào tạo cán bộ quản lý y tế, nhất là cán bộ quản lý bệnh viện” [1]. Năm 2007, Bộ Y tế và Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-BYT-BNV “Hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở y tế nhà nước” nhằm ổn định số lượng và nâng cao chất lượng nhân lực trong các cơ sở y tế [3]. Để có thể đề ra những giải pháp, phương hướng nhiệm vụ nâng cao chất lượng công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu: Xác định số lượng, chất lượng, cơ cấu nhân lực y tế tại các bệnh viện tuyến tỉnh của tỉnh An Giang năm 2020.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Là cán bộ nhân viên công tác tại các bệnh viện tuyến tỉnh của tỉnh An Giang trong năm 2020.

- **Tiêu chuẩn chọn vào:** Tất cả các bác sĩ, dược sĩ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên, hộ lý, y công và viên chức khác biên chế hoặc hợp đồng lao động đang công tác tại các bệnh viện tuyến tỉnh được chọn vào nghiên cứu.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Các đối tượng hợp đồng theo thời vụ.

- **Địa điểm và thời gian nghiên cứu:** Nghiên cứu thực hiện tại các bệnh viện: Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang (BVĐKTTAG); Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh An Giang (BVĐKKVTAG); Bệnh viện Đa khoa khu vực Tân Châu (BVĐKKVTC); Bệnh viện Tim mạch An Giang (BVTMAG); Bệnh viện Sản Nhi An Giang (BVSNAG); và Bệnh viện Mắt-Tai mũi họng-Răng hàm mặt An Giang (BVMTRAG). Dữ liệu được thu thập trong tháng 1/2021.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang.

Cỡ mẫu nghiên cứu: Là 3266 người được chọn theo phương pháp lấy mẫu toàn bộ.

Nội dung nghiên cứu: cơ về số lượng, chất lượng, cơ cấu, bao gồm tỷ số bác sĩ (BS)/ giường bệnh (GB), tỷ số dược sĩ (DS)/GB, tỷ số điều dưỡng (ĐD), hộ sinh (HS) và kỹ thuật viên (KTV)/GB, và tỷ số ĐD+HS+KTV/ BS.

Phương pháp thu thập số liệu: Trích xuất số liệu từ báo cáo thống kê nhân lực bệnh viện của các bệnh viện tuyến tỉnh của tỉnh An Giang năm 2020.

Số liệu được xử lý: bằng phần mềm thống kê Excel. Thống kê mô tả tần số và tỷ lệ cơ cấu chuyên môn và trình độ nhân lực y tế. Thống kê mô tả tỷ số nhân lực y tế trên giường bệnh.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Tổng số 3.266 cán bộ y tế công tác tại các bệnh viện tuyến tỉnh được nghiên cứu.

Bảng 1. Số lượng nhân lực chuyên môn của bệnh viện tuyến tỉnh của tỉnh An Giang năm 2020

Nhân sự	Tổng số	Hợp đồng	Biên chế	Nữ
Y (cán bộ điều trị)	727 (22,3)	333 (22,5)	394 (22,0)	283 (16,4)
Dược	252 (7,7)	73 (4,9)	179 (10,0)	164 (9,5)
Điều dưỡng	1252 (38,3)	500 (33,8)	752 (42,1)	722 (41,9)
Nữ hộ sinh	158 (4,8)	51 (3,5)	107 (6,0)	150 (8,7)
Kỹ thuật viên Y	161 (4,9)	75 (5,1)	86 (4,8)	68 (3,9)
Hộ lý/ Y công	284 (8,7)	209 (14,1)	75 (4,2)	113 (6,6)
Cán bộ khác	432 (13,2)	237 (16,0)	195 (10,9)	223 (12,9)
Tổng số	3266 (100,0)	1478 (100,0)	1788 (100,0)	1723 (100,0)

Nhận xét: Tổng số nhân lực của 6 bệnh viện tuyến tỉnh là 3266 người, trong đó, nữ 1723 chiếm tỷ lệ 52,8%. Tỷ lệ cán bộ chuyên môn y làm điều trị chiếm 22,3%, công tác dược chiếm 7,7%, điều dưỡng 38,3%, hộ sinh 4,8%, kỹ thuật viên Y 4,9%. Hộ lý, y công và cán bộ khác chiếm lần lượt là 8,7% và 13,2%.

Bảng 2. Trình độ chuyên môn của cán bộ điều trị tại bệnh viện tuyến tỉnh của tỉnh An Giang năm 2020

Trình độ chuyên môn Y	Tổng cộng	BV ĐKTT AG	BV ĐKKV TAG	BV ĐKKV TC	BV SN AG	BV TM AG	BV MTR AG
Tiến sĩ y học	2 (0,3)	0 (0,0)	2 (0,9)	0 (0,0)	0 (0,0)	0 (0,0)	0 (0,0)
Thạc sĩ y khoa	30 (4,1)	7 (3,2)	5 (2,4)	1 (2,1)	7 (5,2)	6 (7,4)	4 (12,9)
Chuyên khoa II Y (CKII Y)	57 (7,8)	23 (10,4)	7 (3,3)	2 (4,3)	10 (7,4)	9 (11,1)	6 (19,4)
Chuyên khoa I Y (CKI Y)	200 (27,5)	63 (28,4)	46 (21,8)	13 (27,7)	39 (28,9)	26 (32,1)	13 (41,9)
Bác sĩ	401 (55,2)	129 (58,1)	114 (54,0)	31 (66,0)	79 (58,5)	40 (49,4)	8 (25,8)
YS làm công tác điều trị	37 (5,1)	0 (0,0)	37 (17,5)	0 (0,0)	0 (0,0)	0 (0,0)	0 (0,0)
Tổng cộng	727 (100)	222 (100)	211 (100)	47 (100)	135 (100)	81 (100)	31 (100)

Nhận xét: Tỷ lệ trình độ bác sĩ chiếm 55,2%. Tỷ lệ này cao nhất tại BVĐKTC 66% và thấp nhất tại BVMTRAG 25,8%. Tỷ lệ có trình độ sau đại học bao gồm CKI Y 27,5%, CKII Y 7,8%, thạc sĩ 4,1 % và tiến sĩ 0,3%. Tỷ lệ y sĩ làm công tác điều trị chiếm 5,1%, trong đó tập trung ở BVĐKKVAG.

Bảng 3. Trình độ chuyên môn của điều dưỡng (ĐD)

Trình độ chuyên môn	Chung	BV ĐKTT AG	BV ĐKKV TAG	BV ĐKKV TC	BV SN AG	BV TM AG	BV MTR AG
Tiến sĩ, Thạc sĩ ĐD	3 (0,2)	1 (0,2)	0 (0,0)	0 (0,0)	1 (0,6)	1 (0,7)	0 (0,0)
Đại học ĐD	169 (13,5)	64 (13,8)	30 (9,7)	13 (10,0)	10 (6,5)	38 (26,0)	14 (29,2)
Cao đẳng ĐD	120 (9,6)	22 (4,7)	27 (8,7)	2 (1,5)	38 (24,5)	26 (17,8)	5 (10,4)
Trung học ĐD	960 (76,7)	377 (81,3)	252 (81,6)	115 (88,5)	106 (68,4)	81 (55,5)	29 (60,4)
Tổng cộng	1252 (100,0)	464 (100,0)	309 (100,0)	130 (100,0)	155 (100,0)	146 (100,0)	48 (100,0)

Nhận xét: Tỷ lệ ĐD trình độ cao đẳng, đại học và Tiến sĩ hoặc thạc sĩ lần lượt 9,6%; 13,5% và 0,2%. ĐD trình độ trung học chiếm 76,7%.

Bảng 4. Trình độ chuyên môn của hộ sinh (HS)

Trình độ chuyên môn	Chung	BV ĐKTT AG	BV ĐKKV TAG	BV ĐKKV TC	BV SN AG	BV TM AG	BV MTR AG
Đại học HS	4 (2,6)	0 (0,0)	0 (0,0)	2 (8,3)	2 (3,1)	0 (0,0)	0 (0,0)
Cao đẳng HS	10 (6,4)	0 (0,0)	1 (1,7)	0 (0,0)	9 (13,8)	0 (0,0)	0 (0,0)
Trung học HS	142 (91,0)	8 (100,0)	58 (98,3)	22 (91,7)	54 (83,1)	0 (0,0)	0 (0,0)
Tổng cộng	156 (100,0)	8 (100,0)	59 (100,0)	24 (100,0)	65 (100,0)	0 (100,0)	0 (100,0)

Nhận xét: Hộ sinh trình độ chuyên môn cao đẳng và đại học lần lượt là 6,4% và 2,6%; Tại BVTMAG và BVMTRAG không có hộ sinh.

Bảng 5. Trình độ chuyên môn của kỹ thuật viên (KTV)

Trình độ chuyên môn	Chung	BV ĐKTT AG	BV ĐKKV TAG	BV ĐKKV TC	BV SN AG	BV TM AG	BV MTR AG
Thạc sĩ KTV	2 (1,2)	0 (0,0)	0 (0,0)	0 (0,0)	2 (8,7)	0 (0,0)	0 (0,0)
Đại học KTV	65 (40,4)	29 (49,2)	5 (23,8)	10 (40,0)	8 (34,8)	9 (36,0)	4 (50,0)
Cao đẳng KTV	4 (2,5)	1 (1,7)	1 (4,8)	0 (0,0)	0 (0,0)	2 (8,0)	0 (0,0)
Trung học KTV	90 (55,9)	29 (49,2)	15 (71,4)	15 (60,0)	13 (56,5)	14 (56,0)	4 (50,0)
Tổng cộng	161 (100,0)	59 (100,0)	21 (100,0)	25 (100,0)	23 (100,0)	25 (100,0)	8 (100,0)

Nhận xét: KTV trình độ trung học chiếm 55,9%. KTV trình độ cao đẳng, đại học và thạc sĩ lần lượt 2,5%; 40,4% và 1,2%. Xét về trình độ KTV, có 44,1% số KTV đang làm việc tại các bệnh viện tuyến tỉnh đạt trình độ cao đẳng, đại học và sau đại học trong tổng số 161 KTV. Trong đó, Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang có tỷ lệ cao nhất (50,8%), thấp nhất là Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh An Giang (28,6%).

Bảng 6. Cơ cấu nhân lực y tế theo giường bệnh (GB) và giữa số các chức danh

Chỉ số	Chung	BV ĐKTT AG	BV ĐKKV TAG	BV ĐKKV TC	BV SN AG	BV TM AG	BV MTR AG
Tổng giường bệnh	2870	950	850	250	450	300	70
Tổng nhân sự	3266	1082	862	275	574	351	122
Tổng nhân viên Y	727	222	211	47	135	81	31
Tổng nhân viên Dược	252	69	77	31	47	22	6
Tổng số ĐD, HS, KTV	1410	472	368	156	220	146	48
Số cán bộ y tế/ GB	1,14	1,14	1,01	1,10	1,28	1,17	1,74
Tỉ số BS/ GB	0,25	0,23	0,25	0,19	0,30	0,27	0,44
Tỉ số DS/ GB	0,09	0,07	0,09	0,12	0,10	0,07	0,09
Tỉ số ĐD+HS+KTV/ GB	0,55	0,56	0,46	0,72	0,54	0,57	0,80

Chỉ số	Chung	BV ĐKTT AG	BV ĐKKV TAG	BV ĐKKV TC	BV SN AG	BV TM AG	BV MTR AG
Tỉ số ĐD+HS+KTV/ BS	2,28	2,39	2,24	3,85	1,80	2,11	1,81

Nhận xét: Tỷ số cán bộ y tế trên một BV của các bệnh viện là 1,14; thấp nhất BVĐKKVTAG là 1,01 và cao nhất BVMTRAG là 1,74. Tỷ số ĐD+HS+KTV/ GB là 0,55; tại BVĐKKVTAG là 0,46 và tại BVMTRAG là 0,8. Tỷ số ĐD+HS+KTV / BS là 2,28; tại BVĐKKVTC là 3,85 và tại BVSNAG là 1,80.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Số lượng theo lĩnh vực chuyên môn công tác của nhân lực bệnh viện tuyển tỉnh An Giang năm 2020

Kết quả nghiên cứu nhân lực y tế công tác tại các bệnh viện tuyển tỉnh năm 2020 của tỉnh An Giang cho thấy tổng số 3266 người đang làm việc trong hệ thống bệnh viện tuyển tỉnh, trong đó có 727 người đang làm công tác điều trị (chiếm 22,3%), 252 người đang làm công tác dược (chiếm 7,7%), 1252 điều dưỡng (chiếm 33,3%), 158 nữ hộ sinh (chiếm 4,8%), 161 kỹ thuật viên (chiếm 4,9%), 284 hộ lý, y công (chiếm 8,7%), 432 cán bộ khác (chiếm 13,2%).

4.2. Trình độ chuyên môn của nhân lực bệnh viện tuyển tỉnh của tỉnh An Giang năm 2020

Kết quả nghiên cứu nhân lực y tế công tác tại các bệnh viện tuyển tỉnh năm 2020 của tỉnh An Giang cho thấy tỷ lệ cán bộ làm điều trị có trình độ sau đại học là 39,8 %, trong đó Chuyên khoa I 27,5%, Chuyên khoa II 7,8%, Thạc sĩ 4,1% và Tiến sĩ 0,3% (bảng 2). Tỷ lệ cán bộ làm điều trị có trình độ sau đại học tại các bệnh viện là 41,9% tại BVĐKTTAG; 28,4% tại BVĐKKVTAG; 34% tại BVĐKKVTC; 41,5% tại BVSNAG; 50,6% tại BVTMAG; và 74,2% tại BMMTRAG. So với qui định tại thông tư 08/2007/TTLT-BYT-BNV qui định theo hạng bệnh viện là >50% đối với BV hạng I và >30% đối với BV hạng II [3], cho thấy tỷ lệ cán bộ làm điều trị có trình độ sau đại học tại BVĐKKVTAG còn thấp so với qui định. Trong tổng số 727 người đang làm công tác điều trị còn có 37 y sĩ làm công tác điều trị, chiếm 5,1%. Tỷ lệ này là 17,5% tại BVĐKKVTAG.

Trình độ chuyên môn cán bộ y theo Nguyễn Thị Thu Hà, BS sau ĐH là 57,9% [7]. Theo Lương Ngọc Khuê, cơ cấu nhân lực theo trình độ bệnh viện tuyển Tỉnh: BS sau ĐH tỷ lệ 54,2% [8]. Chúng tôi nhận thấy tỷ lệ sau ĐH của các bệnh viện tuyển tỉnh của tỉnh An Giang là 39,8%, tỷ lệ này còn thấp so với quy định.

Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ trình độ cao đẳng trở lên của điều dưỡng là 23,3% (bảng 3). Như vậy có thể nói điều dưỡng tuyển tỉnh chưa đạt chỉ tiêu về số lượng, chất lượng vẫn còn phải cải thiện nhiều hơn. Về trình độ nữ hộ sinh, tỷ lệ hộ sinh đang làm việc tại các bệnh viện tuyển tỉnh đạt được trình độ cao đẳng, đại học trở lên chiếm 9,0% trong tổng số 156 nữ hộ sinh, trong đó 6,4% cao đẳng và 2,6% đại học (bảng 4). Tỷ lệ này là rất thấp so với qui định [8]. Tỷ lệ này là 0% tại Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang và Bệnh viện Mắt-TMH-RHM An Giang. Về trình độ KTV, tỉ lệ KTV trình độ cao đẳng trở lên chiếm 44,1%; trong đó cao đẳng 2,5%, đại học 40,4% và thạc sĩ 1,2% (bảng 5). Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang có tỷ lệ cao nhất (50,8%), thấp nhất là Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh An Giang (28,6%).

4.3. Cơ cấu nhân lực/giường bệnh và tỉ số giữa các chức danh so với thông tư 08/2007/TTLT-BYT-BNV

Số cán bộ y tế trung bình trên một giường bệnh của hệ thống bệnh viện là 1,14. Tỷ lệ này theo Thông tư 08/2007/TTLT-BYT-BNV dao động từ 1-1,55 [7]. Bảng 6 cho thấy số cán bộ trên một giường bệnh ở Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh thấp nhất (1,01), cao nhất là Bệnh viện Mắt-Tai mũi họng-Răng hàm mặt (1,74). Tính trung bình cứ 10 giường thì có 2,53 bác sĩ và 4,91 điều dưỡng. Tỷ lệ điều dưỡng trên bác sĩ còn thấp, vào khoảng 1,94 điều dưỡng:1 bác sĩ. Tỷ lệ này cao nhất là Bệnh viện Đa khoa khu vực Tân Châu (3,32), thấp nhất là Bệnh viện Mắt-Tai mũi họng-Răng hàm mặt (1,55).

Tỷ số điều dưỡng, nữ hộ sinh, KTV trên bác sĩ là 2,16. Tỷ số này thấp hơn Bệnh viện Vĩnh Long: tỷ số đạt 2,26 [7]; cao hơn so với nghiên cứu của Trần Kim Thương: tỷ số đạt 1,6 [11]; thấp hơn so với Nguyễn Ngọc Đoàn Trang: 3,1 [10]; Lương Ngọc Khuê: 2,49 [8]. Tỷ số này chưa đạt chuẩn so với mục tiêu chiến lược của Bộ y tế về đổi mới công tác điều dưỡng theo định hướng chăm sóc toàn diện bệnh nhân và tỷ số điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên trên bác sĩ cần phải đạt ít nhất là 2,5 [8].

V. KẾT LUẬN

Các bệnh viện tuyến tỉnh của tỉnh An Giang có số lượng nhân lực y tế là 3266 người, đạt trung bình trên một giường bệnh là 1,14. Trình độ chuyên môn sau đại học là 39,8 %, trong đó chuyên khoa I 27,5%, chuyên khoa II 7,8%, Thạc sĩ 4,1% và tiến sĩ 0,3%. Tỷ lệ cán bộ làm điều trị có trình độ sau đại học tại các bệnh viện là 41,9%; tỷ số điều dưỡng, nữ hộ sinh, kỹ thuật viên trên bác sĩ đạt 2,16.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2005), Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành TW Khóa XII về Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới
2. Bộ Y tế, Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế.
3. Bộ Y tế, Bộ Nội vụ (2007), Thông tư liên tịch số 08/2007/BYT-BNV ngày 5/6/2007 về Hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở y tế Nhà nước.
4. Bộ Y tế (2015), Quyết định số 2992/QĐ-BYT ngày 17/7/2015 về việc Phê duyệt kế hoạch phát triển nhân lực trong hệ thống khám bệnh, chữa bệnh giai đoạn 2015-2020.
5. Phạm Trí Dũng (2008), Tổng quan về hệ thống bệnh viện tại Việt Nam hiện nay, Trường Đại học Y tế Công cộng, Hà Nội.
6. Trương Việt Dũng (2010), Phát triển nhân lực y tế ở tuyến tỉnh, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
7. Nguyễn Thị Thu Hà (2014), Thực trạng nguồn nhân lực và đánh giá hiệu quả máy móc trang thiết bị y tế tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Long năm 2013, Luận án chuyên khoa cấp II.
8. Lương Ngọc Khuê (2011), Thực trạng nguồn nhân lực bệnh viện tại Việt Nam giai đoạn 2008 -2010, *Tạp chí Y học thành phố Hồ Chí Minh*, tập 15, phụ bản của Số 2, năm 2011, tr.210-212.
9. Phạm Văn Linh (2010), Quản lý nguồn lực y tế, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, Cần Thơ.
10. Nguyễn Ngọc Đoàn Trang (2011), Nghiên cứu tình hình nhân lực y tế tại các Bệnh viện Đa khoa tuyến tỉnh của Đồng Nai năm 2010 và nhu cầu nhân lực đến năm 2015, Luận án chuyên khoa cấp II, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, Cần Thơ.
11. Trần Kim Thương (2012), Nghiên cứu thực trạng và nhu cầu cán bộ y tế tại một số bệnh viện trong thành phố Cần Thơ năm 2011, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

(Ngày nhận bài:12/6/2021 - Ngày duyệt đăng:14/8/2021)
